

<p>24. Kinh Ba-lê</p>	<p>24. About Pāṭikaputta - The Charlatan (Pāṭika Sutta)</p>
<p>Khái quát Nội dung Kinh (Tác giả: TT. Thích Nhật Từ)</p>	<p>A Summary of the Sutta (Author: Maurice Walshe)</p>
<p>24. Kinh Ba-lê (P. <i>Pāthika Sutta</i>, H. 波梨經) tương đương <i>A-nậu-di kinh</i>.²¹ Nhân sự kiện một Tăng sĩ bỏ tu vì thất vọng đức Phật không thi thố thần thông, không giải thích về nguồn gốc thế giới, đức Phật phân tích việc cho rằng thế giới này được hình thành bởi Thượng đế (chủ nghĩa duy thần), bởi vật chất (chủ nghĩa duy vật), do tâm tạo ra (chủ nghĩa duy tâm) và do sự ngẫu nhiên (ngẫu nhiên luận). Đức Phật khẳng định vai trò của giáo hóa chính là thần thông; thay vì biểu diễn thần thông, kêu gọi mọi người truyền bá Chánh pháp, giúp cuộc đời kết thúc khổ đau.</p>	<p>24. Pāṭika Sutta: About Pāṭikaputta (The Charlatan). The Buddha has an exceedingly stupid disciple Sunakkhatta, who eventually leaves him. Sunakkhatta is greatly impressed by some dubious ‘holy men’ whom he takes to be Arahants. The boastful naked ascetic Pāṭikaputta challenges the Buddha to a contest of miracles. The Buddha waits for him to appear, but — as the Buddha prophesied — he cannot even rise from his seat to meet the Buddha. The Sutta is not unamusing, but definitely substandard material. A final section on the ‘Origin of Things’ seems to have been tacked on.</p>
<p>Việt Dịch từ Pāli: HT. Thích Minh Châu</p>	<p>English Translation from Pāli: Maurice Walshe</p>
<p>Tụng phẩm I</p> <p>1. Như vậy tôi nghe. Một thời Thế Tôn ở giữa bộ lạc Mallā (Mạt-la), tại Anupiya (A-dật-di), một thành của bộ lạc Mallā. Lúc bấy giờ, Thế Tôn đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Anupiya để khát thực.</p> <p>Rồi Thế Tôn tự nghĩ: "Thật là quá sớm để vào thành Anupiya khát thực. Ta hãy đến tịnh xá của du sĩ Bhaggava và thăm vị này." Thế Tôn liền đi đến tịnh xá du sĩ Bhaggava.</p> <p>2. Rồi du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:</p>	<p>[1] 1.1 THUS HAVE I HEARD.⁷³² Once the Lord was staying among the Mallas. Anupiya is the name of a Malla town, and the Lord, having dressed in the early morning and taken his robe and bowl, went to Anupiya for alms.</p> <p>Then he thought: ‘It is too early for me to go into Anupiya for alms. Suppose I were to visit the hermitage⁷³³ of the wanderer Bhaggava-gotta?’ And he did so. [2]</p> <p>1.2. And the wanderer Bhaggava-gotta said:</p>

- Thế Tôn hãy đến gần! Xin chào đón Thế Tôn. Đã lâu, Thế Tôn mới có dịp đến đây. Mời Thế Tôn ngồi, đây là chỗ ngồi đã soạn sẵn.

Thế Tôn ngồi trên chỗ đã soạn sẵn, và du sĩ Bhaggava lấy một ghế ngồi khác thấp hơn rồi ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, du sĩ Bhaggava bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, ngày xưa và nhiều ngày xưa nữa, Sunakkhatta (Thiện Tinh) thuộc bộ lạc Licchavi (Ly-xa) đến con và nói như sau: "Này Bhaggava, nay tôi từ bỏ Thế Tôn! Nay tôi không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa." Bạch Thế Tôn, sự việc có phải như Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi nói hay không?

- Này Bhaggava, sự việc thật như Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đã nói.

3. Này Bhaggava, thuở xưa và rất xa xưa, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đến thăm Ta. Sau khi đến, đành lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, nay con xin từ bỏ Thế Tôn. Bạch Thế Tôn, nay con không sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn nữa."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây sống dưới sự chỉ dẫn của Ta" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

Come, Blessed Lord, welcome, Blessed Lord! At last the Blessed Lord has gone out of his way to come here. Be seated, Lord, a seat is prepared.'

The Lord sat down on the prepared seat, and Bhaggava took a low stool and sat down to one side. Then he said:

'Lord, a few days ago Sunakkhatta the Licchave⁷³⁴ came to me and said: "Bhaggava, I have left the Blessed Lord. I am no longer under his rule." Is that really so, Lord?'

'It is true, Bhaggava.'⁷³⁵

1.3. 'A few days ago, Sunakkhatta came to me, saluted me, sat down to one side, and said: "Lord, I am leaving the Blessed Lord, I am no longer under the Lord's rule."

So I said to him:

"Well, Sunakkhatta, did I ever say to you: 'Come, Sunakkhatta, be under my rule?'"

"No, Lord." [3]

"- Hay Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta", và Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn".

Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!

4. "- Bạch Thế Tôn, nhưng Thế Tôn không khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta! Ta sẽ khiến cho Người chứng được các pháp thượng nhân thần thông" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn. Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần thông" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta, Ta sẽ khiến cho Người chứng được các pháp thượng nhân thần thông; Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, và Thế Tôn sẽ khiến cho con chứng được các pháp thượng nhân thần

"Or did you ever say to me: 'Lord, I will be under your rule'?"

"No, Lord."

"So, Sunakkhatta, if I did not say that to you and you did not say that to me —

you foolish man, who are you and what are you giving up? Consider, foolish man, how far the fault is yours."

1.4. "Well, Lord, you have not performed any miracles."⁷³⁶

And did I ever say to you: 'Come under my rule, Sunakkhatta, and I will perform miracles for you'?"

"No, Lord."

"Or did you ever say to me: 'Lord, I will be under your rule if you will perform miracles for me'?"

"No, Lord."

"Then it appears, Sunakkhatta, that I made no such promises, and you made no such conditions. Such being the case, you foolish man, who are you and what are you giving up?

thông." Này kẻ ngu kia, như vậy thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ?

Này Sunakkhatta, nhà Người nghĩ thế nào? Các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?

"- Bạch Thế Tôn, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, các pháp thượng nhân thần thông có thực hiện hay không thực hiện, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau.

Này Sunakkhatta, như vậy thời các pháp thượng nhân thần thông là gì mà cần phải thực chứng? Này kẻ ngu kia, hãy thấy lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!

5. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không giải thích cho con khởi nguyên của thế giới.

"- Này Sunakkhatta, Ta có nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của Thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, Người có nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ

“What do you think, Sunakkhatta? Whether miracles are performed or not — is it the purpose of my teaching Dhamma to lead whoever practises it⁷³⁷ to the total destruction of suffering?” [4]

“It is, Lord.”

“So, Sunakkhatta, whether miracles are performed or not, the purpose of my teaching Dhamma is to lead whoever practises it to the total destruction of suffering.

Then what purpose would the performance of miracles serve? Consider, you foolish man, how far the fault is yours.”

1.5. “Well, Lord, you do not teach the beginning of things.”

“And did I ever say to you: ‘Come under my rule, Sunakkhatta, and I will teach you the beginning of things’?”

“No, Lord.”

giải thích cho con khởi nguyên của thế giới" chẳng?

"- Bạch Thế Tôn, không!

"- Này Sunakkhatta, như vậy Ta không nói với Người: "Này Sunakkhatta, hãy đến đây và sống dưới sự chỉ dẫn của Ta. Ta sẽ giải thích cho Người khởi nguyên của thế giới." Người cũng không nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, con sẽ sống dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn, rồi Thế Tôn sẽ giải thích cho con khởi nguyên của thế giới."

Này kẻ ngu kia, sự kiện là như vậy, thời Người là ai và Ta là ai mà Người nói chuyện từ bỏ? Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, nhưng mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, có phải như vậy không?

"- Bạch Thế Tôn, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích mà Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau, chính thật là như vậy.

"- Này Sunakkhatta, khởi nguyên của thế giới có giải thích hay không giải thích, mục đích của Thế Tôn thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau. Này Sunakkhatta, như vậy thời giải thích về khởi nguyên thế giới có ích lợi gì cho Người?

Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!

6. "- Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện Người đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji: "Như vậy, Thế Tôn là bậc A la hán, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế

... Such being the case, you foolish man, who are you and what are you giving up? [5]

1.6. "Sunakkhatta, you have in many ways spoken in praise of me among the Vajjians, saying: 'This Blessed Lord is an Arahant, a fully-enlightened Buddha, endowed with

Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn."

Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người đã nói lời tán thán Ta tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Người nói lời tán thán Pháp tại làng Vajji: "Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hướng thượng, chỉ người có trí mới thâm hiểu."

Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người tán thán Chánh pháp tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, dưới nhiều phương diện, Người đã tán thán Tăng tại làng Vajji: "Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh chơn, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh trực, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Khuôn phép, chư Tăng đệ tử của Thế Tôn khéo tu tập về Chánh hạnh, tức là bốn đôi tám chúng.

Chư Tăng đệ tử của Thế Tôn này đáng được kính trọng, đáng được cung kính, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay cúi chào, vì là phước điền tối thượng ở đời".

Này Sunakkhatta, như vậy dưới nhiều phương diện, Người tán thán Tăng tại làng Vajji.

"Này Sunakkhatta, Ta nói cho Người biết; này Sunakkhatta ta tin cho Người biết; sẽ có lời luận bàn về Người như sau: "Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi không thể sống phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của Sa môn Gotama. Vì không kham nổi, nên từ bỏ tu học trở về với đời sống thấp kém".

Này Sunakkhatta, sẽ có lời luận bàn về Người như vậy.

wisdom and conduct, the Well-Farer, Knower of the worlds, incomparable Trainer of men to be tamed, Teacher of gods and humans, the Buddha, the Blessed Lord.'

You have in many ways spoken in praise of the Dhamma, saying: 'Well-proclaimed by the Blessed Lord is the Dhamma, visible here and now, timeless, inviting inspection, leading onward, to be realised by the wise, each one for himself.'

You have in many ways spoken in praise of the order of monks, saying: 'Well-trained is the order of the Lord's disciples, trained in uprightness, methodically-trained, excellently-trained is the order of the Lord's disciples, that is, the four pairs of men, the eight classes of individuals.

This is the order of the Lord's disciples, worthy of respect, worthy of homage, worthy of gifts, worthy of salutation, an unsurpassed field in the world for merit.'

"In these ways you have spoken in praise of me, of the Dhamma, and of the order among the Vajjians.

And I say to you, I declare to you, Sunakkhatta, there will be those who will say: 'Sunakkhatta the Licchavi was unable to maintain the holy life under the ascetic Gotama, and being thus unable he abandoned the training and reverted to a base life.'⁷³⁸ That, Sunakkhatta, is what they will say." [6]

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đầu được Ta nói vậy, từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rớt vào đọa xứ, địa ngục.

7. Này Bhaggava, một thời Ta ở bộ lạc Bumū, tại thị trấn của bộ lạc Bumū tên là Uttarakā. Này Bhaggava, rồi buổi sáng Ta đắp y, cầm y bát cùng với Sa di Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi theo sau, vào thị trấn Uttarakā khát thực.

Lúc bấy giờ, lỏa thể Korakkhattiya, tu theo hạnh chó đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bahaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân, bò lét trên đất, lấy miệng ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm.

Này Bhaggava, Ta biết được tâm tư của Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi với tâm tư của Ta và Ta nói với ông ta như sau:

"- Này kẻ ngu kia, có phải Người vẫn tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói: "Này kẻ ngu kia, có phải Người tự nhận Người là Thích Tử không?"

"- Này Sunakkhatta, có phải Người, sau khi thấy lỏa thể Korakkhattiya tu theo hạnh chó, đi bốn chân bò lét trên đất, lấy miệng mà ăn đồ cứng hay đồ ăn mềm, liền suy nghĩ: "Thật tốt đẹp thay vị A la hán Sa môn đi bốn chân, bò lét

And, Bhaggava, at my words Sunakkhatta left this Dhamma and discipline like one condemned to hell.

1.7. 'Once, Bhaggava, I was staying among the Khulus,⁷³⁹ at a place called Uttarakā, a town of theirs. In the early morning I went with robe and bowl into Uttarakā for alms, with Sunakkhatta as my attendant.

And at that time the naked ascetic Korakkhattiya the "dog-man"⁷⁴⁰ was going round on all fours, sprawling on the ground, and chewing and eating his food with his mouth alone.

Seeing him, Sunakkhatta thought: "Now that is a real Arahant ascetic, who goes round on all fours, sprawling on the ground, and chewing and eating his food with his mouth alone."

And I, knowing his thought in my own mind, said to him:

"You foolish man, do you claim to be a follower of the Sakyan?"

"Lord, what do you mean by this question?" [7]

"Sunakkhatta, did you not, on seeing that naked ascetic going around on all fours, think: 'Now that is a real Arahant ascetic, who goes round on all fours, sprawling on the ground, and chewing and eating his food with his mouth

trên đất, lấy miệng mà ăn đồ ăn cứng hay đồ ăn mềm"?

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?"

"- Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán? Chính Người tự sinh ác tà kiến ấy, hãy bỏ nó đi. Chớ để tự mình lâu ngày bị khổ đau thiệt hại.

Này Sunakkhatta, lỏa thể Korakkhattiya mà Người nghĩ là tốt đẹp, là vị Sa môn, sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sinh thuộc loại Kāḷakañjaka, một trong loại Asura (A-tu-la) thấp kém nhất. Sau khi chết, nó sẽ bị quăng trong nghĩa địa đặt trên đồng cỏ Bīraṇa.

Này Sunakkhatta, nếu Người muốn, hãy đến hỏi lỏa thể Korakkhattiya như sau: "Này bạn Korakkhattiya, bạn có biết bạn thác sanh cảnh giới nào không?"

Này Sunakkhatta, sự kiện này có thể xảy ra, lỏa thể Korakkhatta ấy có thể trả lời với Người: "Này bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi sẽ thác sanh thuộc loại Kāḷakañjaka, một trong loại Asura thấp kém nhất".

8. Này Bhaggava, Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi, đi đến lỏa thể Korakkhattiya và nói:

- Này bạn Korakkhattiya, Sa môn Gotama có nói như sau: "Lỏa thể Korakkhattiya sau bảy ngày sẽ bị trúng thực mà chết, sau khi chết sẽ tái sinh thuộc loại Kāḷakañjaka, một trong loại Asura (A-tu-la) thấp kém nhất.

Sau khi chết, ông ta sẽ bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên

alone'?"

"I did, Lord. Does the Blessed Lord begrudge others their Arahantship?"

"I do not begrudge others their Arahantship, you foolish man! It is only in you that this evil view has arisen. Cast it aside lest it should be to your harm and sorrow for a long time!

This naked ascetic Korakkhattiya, whom you regard as a true Arahant, will die in seven days from indigestion,⁷⁴¹ and when he is dead he will reappear among the Kāḷakañjaka asuras, who are the very lowest grade of asuras.⁷⁴² And when he is dead he will be cast aside on a heap of *bīraṇa*-grass in the charnel-ground.

If you want to, Sunakkhatta, you can go to him and ask him if he knows his fate.

And it may be that he will tell you: 'Friend Sunakkhatta, I know my fate. I have been reborn among the Kāḷakañjaka asuras, the very lowest grade of asuras.'

1.8. 'Then Sunakkhatta went to Korakkhattiya and told him what I had prophesied, [8] adding:

"Therefore, friend Korakkhattiya, be very careful what you eat and drink, so that the ascetic Gotama's words may be proved wrong!"

đồng cỏ Bīraṇa". Nay Bạn Korakkhattiya, vậy Bạn hãy ăn cho có tiết độ, vậy Bạn hãy uống cho có tiết độ, để lời nói của Sa môn Gotama trở thành nói láo."

Này Bhaggava, vì không tin tưởng Như Lai, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đếm từng ngày một cho đến bảy ngày.

Nhưng này Bhaggava, lỏa thể Korakkhattiya sau bảy ngày bị trúng thực mà chết. Sau khi chết, bị tái sinh thuộc loại Kāḷakañjaka, một trong loại Asura thấp kém nhất. Sau khi chết, ông ta bị quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Bīraṇa.

9. Nay Bhaggava, Sunakkhatta được nghe: "Lỏa thể Korakkhattiya bị trúng thực chết, quăng trong nghĩa địa, đặt trên đồng cỏ Bīraṇa." Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi liền đi đến đồng cỏ Bīraṇa tại nghĩa địa, đến lỏa thể Korakkhattiya, lấy tay đánh ba lần và hỏi:

"- Nay bạn Korakkhattiya, Bạn có biết cảnh giới thác sanh của Bạn không?"

Này Bhaggava, lỏa thể Korakkhattiya lấy tay xoa lưng và ngồi dậy:

"- Nay bạn Sunakkhatta, tôi biết cảnh giới thác sanh của tôi. Tôi thác sanh thuộc loại Kāḷakañjaka, một trong loại Asura thấp kém nhất." Sau khi nói xong, ông ta ngã ngựa xuống.

10. Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đánh lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

And Sunakkhatta was so sure that the Tathāgata's words would be proved wrong that he counted up the seven days one by one.

But on the seventh day Korakkhattiya died of indigestion, and when he was dead he reappeared among the Kāḷakañjaka asuras, and his body was cast aside on a heap of *bīraṇa*-grass in the charnel-ground.

1.9. 'And Sunakkhatta heard of this, so he went to the heap of *bīraṇa*-grass in the charnel-ground where Korakkhattiya was lying, struck the body three times with his hand, and said:

"Friend Korakkhattiya, do you know your fate?"

And Korakkhattiya sat up and rubbed his back with his hand, and said:

"Friend Sunakkhatta, I know my fate. I have been reborn among the Kāḷakañjaka asuras, the very lowest grade of asuras." And with that, he fell back again.

1.10. 'Then Sunakkhatta came to me, saluted me, and sat down to one side. And I said to him:

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với Người về lỏa thể Korakkhattiya, có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lỏa thể Korakkhattiya như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác!

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

11. Này Bhaggava, một thời, Ta trú tại Vesālī (Tỳ xá lý), rừng Đại Lâm, ở Trùng Các giảng đường. Lúc bấy giờ, lỏa thể Kandaramasuka ở tại Vesālī được sự cúng dường tối thượng, được xưng danh tối thượng tại làng Vajji.

Vị này có phát nguyện tuân theo bảy giới hạnh: "Trọn đời, ta theo hạnh lỏa thể, không mặc quần áo; trọn đời, ta sống phạm hạnh, không có hành dâm; trọn đời ta tự nuôi

"Well, Sunakkhatta, what do you think? Has what I told you about the 'dog-man' Korakkhattiya come true or not?"

"It has come about the way you said, Lord, and not otherwise." [9]

"Well, what do you think, Sunakkhatta? Has a miracle been performed or not?"

"Certainly, Lord, this being so, a miracle has been performed, and not otherwise."

"Well then, you foolish man, do you still say to me, after I have performed such a miracle: 'Well, Lord, you have not performed any miracles'? Consider, you foolish man, how far the fault is yours."

And at my words Sunakkhatta left this Dhamma and discipline like one condemned to hell.

1.11. 'Once, Bhaggava, I was staying at Vesali, at the Gabled Hall in the Great Forest. And at that time there was a naked ascetic living in Vesālī called Kaḷāramuṭṭhaka⁷⁴³ who enjoyed great gains and fame in the Vajjian capital.

He had undertaken seven rules of practice: "As long as I live I will be a naked ascetic and will not put on any clothes; as long as I live I will remain chaste and abstain from sexual

sống với rượu và thịt, không phải với cháo cơm; ta không bao giờ đi quá tháp Udana phía Đông thành Vesāli; ta không bao giờ đi quá tháp Gotamaka, phía Nam thành Vesāli; ta không bao giờ đi quá tháp Sattamba, phía Tây thành Vesāli; ta không bao giờ đi quá tháp Bahuputta, phía Bắc thành Vesāli."

Vị này, nhờ tuân theo bảy giới hạnh này mà được sự cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng tại làng Vajji.

12. Nay Bhaggava, rời Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi; lỏa thể Kandaramasuka khi bị hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi, vì không theo dõi, nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý.

Nay Bhaggava, rời Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi suy nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chướng đối vị A la hán Sa môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng ta có thể bắt lợi đầu khổ lâu đời."

13. Nay Bhaggava, rời Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đi đến Ta, đành lễ và ngồi xuống một bên. Nay Bahaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Nay kẻ ngu kia, Người vẫn tự nhận Người là Thích tử không?"

"- Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại nói với con như vậy: "Nay kẻ ngu kia, Người vẫn tự nhận Người là Thích tử không?"

"- Nay Sunakkhatta, có phải Người đã đi đến lỏa thể Kandaramasuka và hỏi câu hỏi. Lỏa thể Kandaramasuka khi

intercourse; as long as I live I will subsist on strong drink and meat, abstaining from boiled rice and sour milk; as long as I live I will never go beyond the Udena shrine to the east of Vesāli, the Gotamaka shrine to the south, the Sattamba shrine [10] to the west, nor the Bahuputta shrine to the north."⁷⁴⁴

And it was through having undertaken these seven rules that he enjoyed the greatest gains and fame of all in the Vajjian capital.

1.12. 'Now Sunakkhatta went to see Kaḷāramuṭṭhaka and asked him a question which he could not answer, and because he could not answer it he showed signs of anger, rage and petulance.

But Sunakkhatta thought: "I might cause this real Arahant ascetic offence. I don't want anything to happen that would be to my lasting harm and misfortune!"

1.13. 'Then Sunakkhatta came to me, saluted me, and sat down to one side. I said to him:

"You foolish man, do you claim to be a follower of the Sakyan?"

"Lord, what do you mean by this question?"

"Sunakkhatta, did you not go to see Kaḷāramuṭṭhaka and ask him a question he could not answer, and did he not

được Người hỏi như vậy, không theo dõi câu hỏi; vì không theo dõi nên tỏ ra tức tối, giận dữ, phật ý.

Rồi người tự nghĩ: "Chúng ta có thể trở thành chống đối vị A la hán, Sa môn tốt đẹp này. Hãy giữ đừng có gì xảy ra khiến chúng có thể bất lợi đau khổ lâu đời!".

"- Bạch Thế Tôn có vậy. Bạch Thế Tôn, sao Thế Tôn lại ganh ghét với một vị A la hán?

"- Này kẻ ngu kia, Ta đâu có ganh ghét với một vị A la hán! Chính Người tự sanh ác tà kiến ấy, hãy từ bỏ nó đi. Chớ để mình lâu ngày bị thiệt hại đau khổ!

Này Sunakkhatta, lỏa thể Kandaramasuka mà Người nghĩ là vị A la hán, là vị Sa môn tốt đẹp, không bao lâu sẽ sống mặc áo và lập gia đình, sẽ ăn cơm cháo, sẽ đi vượt quá các tháp ở Vesālī và sẽ chết mất hết cả danh xưng".

Này Bhaggava, lỏa thể Kandaramasuka, không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesālī và bị chết mất hết cả danh xưng.

14. Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi được nghe tin lỏa thể Kandaramasuka không bao lâu sống mặc áo và lập gia đình, ăn dùng cơm cháo, đi vượt quá các tháp ở Vesālī và bị chết mất hết danh xưng.

Này Bhaggava, rồi Sunakkhatta đi đến chỗ Ta ở, sau khi đến đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Này Bhaggava, và Ta nói với Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Điều Ta nói với

thereupon show signs of anger, rage and petulance?

And did you not think: 'I might cause this real Arahant ascetic offence. I don't want anything to happen that would be to my lasting harm and misfortune'?"

"I did, Lord. Does the Blessed Lord begrudge others their Arahantship?" [11]

"I do not begrudge others their Arahantship, you foolish man. It is only in you that this evil view has arisen. Cast it aside lest it should be to your harm and sorrow for a long time!

This naked ascetic Kaḷāramuṭṭhaka, whom you regard as a true Arahant, will before long be living clothed and married, subsisting on boiled rice and sour milk. He will go beyond all the shrines of Vesālī, and will die having entirely lost his reputation."

And indeed all this came about.

1.14. 'Then Sunakkhatta, having heard what had happened, came to me... And I said:

"Well, Sunakkhatta, what do you think? Has what I told

Người về lửa thể Kandaramasuka có phải sự việc xảy ra như Ta nói không, hay là khác?

"- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn đã nói với con về lửa thể Kandaramasuka như thế nào, sự việc xảy ra như Thế Tôn nói, không phải khác.

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thời có phải là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, có phải không?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, chắc chắn là pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện.

"- Vậy này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông cho con." Này kẻ ngu kia, hãy thấy rõ sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi được Ta nói như vậy, từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

15. Này Bhaggava, một thời Ta trú ở Vesālī, rừng Đại Lâm, tại Trùng Các giảng đường.

Lúc bấy giờ, lửa thể Pāṭikaputta (Ba-lê tử) sống ở Vesālī, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong các buổi họp ở Vesālī, ông ta thường tuyên bố như sau:

"Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông

you about Kaḷaramuṭṭhaka come about, or not? ...

Has a miracle been performed or not?" ... [12]

And at my words Sunakkhatta left this Dhamma and discipline like one condemned to hell.

1.15. 'Once, Bhaggava, I was staying at Vesali in the Gabled Hall in the Great Forest.

And at that time there was a naked ascetic living in Vesālī called Pāṭikaputta, who enjoyed great gains and fame in the Vajjian capital. And he made this declaration in the assembly of Vesālī:

"The ascetic Gotama claims to be a man of wisdom, and I make the same claim. It is right that a man of wisdom

của mình, nhờ trí lực của mình.

Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây. Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thì ta sẽ thực hiện hai pháp.

Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thì ta sẽ thực hiện tám pháp. Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thần thông thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

16. Nay Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đã đến Ta, sau khi đến, đánh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi bạch với Ta:

"- Bạch Thế Tôn, lãa thể Pāṭikaputta sống ở Vesālī, được cúng dường tối thượng, được danh xưng tối thượng ở làng Vajji. Trong buổi họp ở Vesālī, thường tuyên bố như sau: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình.

Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thần thông ở tại đây.

Nếu Sa môn Gotama có thể thực hiện một pháp thượng nhân thần thông... thì ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi:

"- Nay Sunakkhatta, lãa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy.

should show it by performing miracles.

If the ascetic Gotama will come half-way to meet me, I will do likewise. Then we could both work miracles, and if the ascetic Gotama performs one miracle, I will perform two.

If he performs two, I will perform [13] four.

And if he performs four, I will perform eight. However many miracles the ascetic Gotama performs, I will perform twice as many!"

1.16. 'Then Sunakkhatta came to me, saluted me, sat down to one side, and told me what Pāṭikaputta had said. I said:

"Sunakkhatta, that naked ascetic Pāṭikaputta is not capable of meeting me face to face unless he takes back his words, abandons that thought, and gives up that view.

Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì đầu của ông ta sẽ bị bể tan.

17. "- Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói! Thiện Thế hãy thận trọng lời nói!

"- Này Sunakkhatta, tại sao Người lại nói với Ta: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn hãy thận trọng lời nói."?

"- Bạch Thế Tôn, lời nói này đã được Thế Tôn tuyên bố một cách cực đoan: "Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy.

Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì đầu ông ấy sẽ bị bể tan!"

Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta có thể đến gặp mặt Thế Tôn với một hóa thân khác, và như vậy Thế Tôn trở thành nói không thật!

18. "- Này Sunakkhatta, Như Lai có bao giờ nói lời nói nào có hai nghĩa không?

"- Bạch Thế Tôn, có phải do tự tâm phán xét mà Thế Tôn đã được biết về Pāṭikaputta: "Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy.

Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".

And if he thinks otherwise, his head will split in pieces."⁷⁴⁵

1.17. "“Lord, let the Blessed Lord have a care what he says, let the Well-Farer have a care what he says!” [41]

“What do you mean by saying that to me?”

“Lord, the Blessed Lord might make an absolute statement about Pāṭikaputta’s coming.

But he might come in some altered shape, and thus falsify the Blessed Lord’s words!”

1.18. "“But, Sunakkhatta, would the Tathāgata make any statement that was ambiguous?”

“Lord, does the Blessed Lord know by his own mind what would happen to Pāṭikaputta?

Hay là có vị Thiên thần nào đã báo tin cho Như Lai biết: "Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta không có thể... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan!"

"- Nay Sunakkhatta, chính tự tâm phán xét mà ta đã biết về lỏa thể Pāṭikaputta: "Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Và cũng có vị Thiên thần đã báo tin cho Ta biết: "Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn... đầu ông ấy sẽ bị bể tan".

Vị tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita, khi mệnh chung vào ngày kia đã được sanh vào Tam thập tam thiên.

Rồi vị ấy đến bạch với Ta: "Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta không có tầm quý! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta không nói sự thật!

Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta đã nói về con, ở giữa làng Vajji như sau: "Tướng quân ở bộ lạc Licchavi tên là Ajita sẽ thác sanh vào Đại địa ngục."

Bạch Thế Tôn, con không thác sanh vào Đại địa ngục, Bạch Thế Tôn, con được sanh vào cõi Tam thập tam thiên! Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta không có tầm quý. Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta không nói sự thật!

Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan." Nay Sunakkhatta, như vậy chính tự tâm phán xét mà Ta biết về lỏa thể Pāṭikaputta.

Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy.

Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà

Or has some deva told the Tathāgata?"

"Sunakkhatta, I know it by my own mind, and I have also been told by a deva. [15]

For Ajita, the general of the Licchavis, died the other day and has been reborn in the company of the Thirty-Three Gods.

He came to see me and told me: 'Lord, Pāṭikaputta the naked ascetic is an impudent liar!

He declared in the Vajjian capital: "Ajita, the general of the Licchavis, has been reborn in the great hell!"

But I have not been reborn in the great hell, but in the company of the Thirty-Three Gods. He is an impudent liar...'

Thus, Sunakkhatta, I know what I have said by my own mind,

không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan.

Và một vị thiên Thần đã báo tin cho ta biết: "Bạch Thế Tôn, lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Thế Tôn nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy.

Nếu ông nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Thế Tôn mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

"Này Sunakkhatta, sau khi Ta đi khát thực ở Vesālī, ăn xong và khát thực trở về, Ta sẽ đến tại vườn Pāṭikaputta để nghỉ trưa. Này Sunakkhatta, nếu Người muốn, hãy tin cho ông ấy biết."

19. Này Bhaggava, rồi Ta đắp y vào buổi sáng, cầm y bát vào thành Vesālī để khát thực. Sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, Ta đi đến vườn của Pāṭikaputta để nghỉ trưa.

Này Bhaggava, Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi vội vàng vào thành Sesālī, đến những Licchava có danh tiếng và báo tin cho những vị ấy biết:

"- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pāṭikaputta để nghỉ trưa! Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn phép thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Licchavi có danh tiếng suy nghĩ như sau: "Sẽ có biểu diễn phép thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

but I have also been told by a deva.

And now, Sunakkhatta, I will go into Vesālī for alms. On my return, after I have eaten, I will go for my midday rest to Pāṭikaputta's park. You may tell him whatever you wish."
[16]

1.19. 'Then, having dressed, I took my robe and bowl and went into Vesālī for alms. On my return I went to Pāṭikaputta's park for my midday rest.

Meanwhile Sunakkhatta rushed into Vesālī and declared to all the prominent Licchavis:

"Friends, the Blessed Lord has gone into Vesālī for alms, and after that he has gone for his midday rest to Pāṭikaputta's park. Come along, friends, come along! the two great ascetics are going to work miracles!"

And all the prominent Licchavis thought: "The two great ascetics are going to work miracles! Let us go along!"

Và chỗ nào có những Bà-la-môn có địa vị, những gia chủ giàu sang, các Bà-la-môn, Bà-la-môn ngoại đạo có danh tiếng, ông ta đi đến các vị này và báo tin cho biết:

"- Này Hiền giả, Thế Tôn sau khi đi khát thực, ăn xong và đi khát thực trở về, đã đi đến vườn của Pāṭikaputta để nghỉ trưa. Mong quý vị hãy đến! Mong quý vị hãy đến! Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo."

Này Bhaggava, các Sa môn, Bà-la-môn ngoại đạo có danh tiếng suy nghĩ: "Sẽ có biểu diễn pháp thượng nhân thần thông giữa các vị Sa môn thiện xảo. Vậy chúng ta hãy đi đến đó."

Này Bhaggava, rồi các Licchavi có danh tiếng, các Bà-la-môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà-la-môn ngoại đạo có danh tiếng cùng đi đến vườn của Pāṭikaputta. Này Bhaggava, như vậy Hội chúng này lên đến hàng trăm hàng ngàn người.

20. Này Bhaggava, lỏa thể Pāṭikaputta được nghe: "Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà-la-môn có địa vị, các gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà-la-môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến, còn Sa môn Gotama thì ngồi nghỉ trưa tại vườn của ta."

Khi nghe vậy ông ấy hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược. Này Bhaggava, lỏa thể Pāṭikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược, liền đi đến vườn các du sĩ Tindukkhāṇu.

And he went to the distinguished and wealthy Brahmins and householders, and to the ascetics and Brahmins of various schools, and told them the same thing, and they too thought:

"Let us go along!" [17]

And so all these people came along to Paṭikaputta's park, hundreds and thousands of them.

1.20. 'And Pāṭikaputta heard that all these people had come to his park, and that the ascetic Gotama had gone there for his midday rest.

And at the news he was overcome with fear and trembling, and his hair stood on end. And thus terrified and trembling, his hair standing on end, he made for the Tinduka lodging of the wanderers.⁷⁴⁶

Này Bhaggava, Hội chúng ấy được nghe: "Lõa thể Pāṭikaputta hoảng sợ, run rẩy, lông tóc dựng ngược đã đi đến vườn các du sĩ Tindukkhāṇu." Này Bhaggava, Hội chúng liền cho gọi một người và bảo:

"- Này bạn hãy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhāṇu, gặp lõa thể Pāṭikaputta và nói như sau: "Này bạn Pāṭikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến, các Bà-la-môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang, các Sa môn, Bà-la-môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến. Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả.

Này Hiền giả Pāṭikaputta, lời nói sau đây được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesālī: "Sa môn là người có trí, ta cũng là người có trí. Người có trí có thể trình bày pháp thượng nhân thần thông nhờ trí lực của mình. Nếu Sa môn Gotama chịu đi nửa đường, ta chịu đi nửa đường. Và hai chúng ta có thể thực hiện pháp thượng nhân thần thông ở tại đây.

Nếu Sa môn Gotama thực hiện một pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện hai pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện hai pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện bốn pháp. Nếu Sa môn Gotama thực hiện bốn pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện tám pháp.

Như vậy Sa môn Gotama thực hiện bao nhiêu pháp thượng nhân thần thông, thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần.

"Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả!"

21. Này Bhaggava, người ấy vâng theo lời Hội chúng ấy, đi đến vườn các du sĩ Tindukkhāṇu, gặp lõa thể Pāṭikaputta,

When the assembled company heard that he had gone to the Tinduka lodging, they instructed a man to go there to Pāṭikaputta and say to him:

“Friend Pāṭikaputta, come along! All these people have come to your park, and the ascetic Gotama has gone there for his midday rest.

Because you declared to the assembly at Vesālī: ‘The ascetic Gotama claims to be a man of wisdom, and I make the same claim ... (as verse 15). [18]

However many miracles he performs, I will perform twice as many!’

So now come half-way: the ascetic Gotama has already come half-way to meet you, and is sitting for his midday rest in Your Reverence’s park.”

1.21. ‘The man went and delivered the message, and on hearing it Pāṭikaputta said:

sau khi gặp xong, liền thưa:

"- Này bạn Pāṭikaputta, hãy đi đến. Các Licchavi danh tiếng... Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả.

Này Hiền giả Pāṭikaputta, lời nói sau được Hiền giả nói tại Hội chúng ở Vesālī: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... ta sẽ thực hiện gấp hai lần".

Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường, Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường và ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, lỏa thễ Pāṭikaputta trả lời:

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến".

Nhưng ông ấy như trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi. Này Bhaggava, người ấy nói với lỏa thễ Pāṭikaputta:

"- Này Hiền giả Pāṭikaputta sao lại như vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả?

"- Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến."

Tuy nói vậy nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

Này Bhaggava, được nói vậy, lỏa thễ Pāṭikaputta tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến"; nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi.

22. Này Bhaggava, khi người ấy biết được lỏa thễ

"I'm coming, friend, [19] coming!" but, wriggle as he might, he could not get up from his seat. Then the man said:

"What's the matter with you, friend Pāṭikaputta? Is your bottom stuck to the seat, or is the seat stuck to your bottom?"

You keep saying: 'I'm coming, friend, I'm coming!', but you only wriggle and can't get up from your seat."

And even at these words, Pāṭikaputta still wriggled about, but could not rise.

1.22. 'And when that man realised that Pāṭikaputta could

Pāṭikaputta này đã bị thảm hại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lõa thể Pāṭikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại, không thể đứng dậy khỏi chỗ ngồi."

Này Bhaggava, khi nghe vậy Ta nói Hội chúng:

"- Này các Hiền giả, lõa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy.

Nếu ông ấy nghĩ rằng ông ấy sẽ đến gặp mặt Ta mà không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, thời đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

Tụng phẩm II

1. Này Bhaggava, một vị đại thần Licchavi, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi, xem có thể đưa lõa thể Pāṭikaputta đến Hội chúng này không?"

Này Bhaggava, rồi vị đại thần Licchavi ấy đi đến vườn các du sĩ Tindukkhāṇu, gặp mặt lõa thể Pāṭikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pāṭikaputta hãy đến! Các Licchavi danh tiếng đã đến, và các Bà-la-môn có địa vị, các Gia chủ giàu sang,

not help himself, he went back to the assembly and reported the situation.

And then I said to them:

"Pāṭikaputta the naked ascetic is not capable of meeting me face to face unless he takes back his words, abandons that thought, and gives up that view.

And if he thinks otherwise, his head will split in pieces."

[End of first recitation-section]

2.1. 'Then, Bhaggava, one of the ministers of the Licchavis rose from his seat and said:

"Well, gentlemen, just wait a little till I [20] I have been to see whether I can bring Pāṭikaputta to the assembly."

So he went to the Tinduka lodging and said to Pāṭikaputta:

"Come along, Pāṭikaputta, it is best for you to come. All these people have come to your park and the ascetic

các Sa môn, Bà-la-môn ngoại đạo có danh tiếng cũng đã đến; còn Sa môn Gotama đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả.

Này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesālī: "Sa môn Gotama là người có trí, ta cũng là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần".

Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả.

Này Hiền giả Pāṭikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể đến gặp mặt Ta nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... ông ấy có thể đến gặp mặt Thế Tôn thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".

Này Hiền giả Pāṭikaputta hãy đến! Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

2. Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lỏa thể Pāṭikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, vị đại thần Licchavi liền nói với lỏa thể Pāṭikaputta:

"- Này Hiền giả Pāṭikaputta, sao lại vậy? Hình như mông của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính liền vào mông của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, khi được nói vậy, lỏa thể Pāṭikaputta tuy

Gotama has gone there for his midday rest.

If you come, we will make you the winner and let the ascetic Gotama be defeated."

2.2. 'And Pāṭikaputta said: "I'm coming, friend, I'm coming", but wriggle as he might, he [21] could not get up from his seat...

nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy.

3. Này Bhaggava, khi vị đại thần Licchavi biết được lỏa thể Pāṭikaputta này đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền đến Hội chúng ấy báo tin:

"- Lỏa thể Pāṭikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với Hội chúng ấy:

"- Này các Hiền giả, lỏa thể Pāṭikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy... thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan.

Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thể Pāṭikaputta với dây thừng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây, Pāṭikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy.

Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy..." Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không từ bỏ lời nói ấy...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

4. Này Bhaggava, lúc ấy Jāliya, đệ tử của Dārupatti, từ chỗ ngồi đứng dậy và nói với Hội chúng ấy:

"- Các Hiền giả hãy chờ một lát, để tôi đi xem có thể đưa lỏa thể Pāṭikaputta đến Hội chúng này hay không?"

Này Bhaggava, rồi Jāliya, đệ tử của Dārupatti đi đến

2.3. 'So the minister returned to the assembly and reported on the situation.

Then I said:

"Pāṭikaputta, is not capable of meeting me ... Even if the good Licchavis were to think: 'Let us bind him with thongs and try to drag him with yoked oxen!' he would burst the thongs.

He is not capable of meeting me face to face ... "[22]

2.4. 'Then Jāliya, a pupil of the wooden-bowl ascetic,⁷⁴⁷ rose from his seat...,

went to the Tinduka lodging and said to Pāṭikaputta:

vườn các du sĩ Tindukkhāṇu, gặp mặt lửa thể Pāṭikaputta và nói với ông ấy:

"- Này bạn Pāṭikaputta hãy đến. Các Licchavi danh tiếng đã đến... Sa môn Gotama nay đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả.

Này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả đã tuyên bố giữa Hội chúng Vesāli như sau: "Sa môn Gotama là người có trí... thời ta sẽ thực hiện gấp hai lần."

Này Hiền giả Pāṭikaputta, hãy chịu đi nửa đường. Sa môn Gotama đã đi hết tất cả nửa đường rồi và đang ngồi nghỉ trưa tại vườn của Hiền giả.

Này Hiền giả Pāṭikaputta, Sa môn Gotama đã nói với Hội chúng về Hiền giả như sau: "Lửa thể Pāṭikaputta nếu không từ bỏ lời nói ấy..."

Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta không bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama...", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".

Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lửa thể Pāṭikaputta với dây thừng, và dùng bò kéo ông ấy lại đây", Pāṭikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy.

Lửa thể Pāṭikaputta không có thể, nếu không từ bỏ lời nói ấy... đầu của ông ấy sẽ bị bể tan".

Này Hiền giả Pāṭikaputta hãy đến. Nếu Hiền giả đến, chúng tôi sẽ làm cho Hiền giả thắng, và làm cho Sa môn Gotama thất bại."

5. Này Bhaggava, khi được nghe nói vậy, lửa thể Pāṭikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupatti

“Come along, Pāṭikaputta,... if you come, we will make you the winner and let the ascetic Gotama be defeated.”
[23]

2.5. ‘And Pāṭikaputta said: “I’m coming, friend, I’m coming!” but wriggle as he might, he could not get up from his seat...

nói với lãa thể Pāṭikaputta:

"- Này Hiền giả Pāṭikaputta sao lại vậy? Hình như móng của Hiền giả dính liền vào ghế, hay ghế dính vào móng của Hiền giả. Tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, được nói vậy, lãa thể Pāṭikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng Hiền giả trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

Này Bhaggava, được nói vậy, lãa thể Pāṭikaputta, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

6. Này Bhaggava, khi Jāliya, đệ tử của Dārupatti biết được lãa thể Pāṭikaputta nay đã bị thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", lại trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy, liền nói với ông ấy:

"- Này Hiền giả Pāṭikaputta, thuở xưa con sư tử vua các loài thú suy nghĩ: "Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt.

Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử.

Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại".

"Này Hiền giả, con sư tử ấy y cứ vào một khu rừng để

2.6. 'Then, when Jāliya realised the situation, he said:

"Pāṭikaputta, once long ago the lion, king of beasts, thought: 'Suppose I were to make my lair near a certain jungle.

Then I could emerge in the evening, yawn, survey the four quarters, roar my lion's roar three times, and then make for the cattle-pasture.

I could then pick out the very best of the herd for my kill and, having had a good feast of tender meat, return to my lair.'

And he did accordingly. [24]

xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử.

Sau khi rống tiếng rống con sư tử, nó đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại rồi trở về sào huyệt lại.

7. "Này Hiền giả Pāṭikaputta, có con chó rừng già kiêu ngạo và mạnh mẽ, thường sống bằng đồ ăn thừa của con sư tử, vua các loài thú. Con chó rừng ấy suy nghĩ: "Ta là ai, và con sư tử, vua các loài thú, là ai? Ta hãy y cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt.

Sau khi xây dựng sào huyệt, vào buổi chiều ta sẽ ra khỏi sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và ba lần rống tiếng rống con sư tử. Sau khi rống tiếng rống con sư tử, ta sẽ đi đến chỗ các thú qua lại, tìm giết những con thú tốt đẹp nhất, ăn các loại thịt mềm mại, rồi trở về sào huyệt lại."

"Này Hiền giả, con chó rừng kia ý cứ vào một khu rừng để xây dựng sào huyệt, duỗi chân cho khỏe, rồi nhìn khắp bốn phương và định ba lần rống tiếng rống con sư tử. Nhưng nó chỉ kêu lên tiếng loại chó rừng, tiếng sủa loại chó rừng.

Ai có thể so sánh tiếng sủa con chó rừng đê tiện với tiếng rống con sư tử?

"Cũng vậy, này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác.

Bọn Pāṭikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

2.7. "Now there was an old jackal who had grown fat on the lion's leavings, and he was proud and strong. And he thought: 'What difference is there between me and the lion, king of beasts? Suppose I were to make my lair near the jungle...'

So he chose a lair accordingly and emerging in the evening, he surveyed the four quarters, and then thought: 'Now I will roar a lion's roar three times',

- and he gave out the howl of his kind, a jackal howl.

For what has the wretched howl of a jackal in common with a lion's roar?

In just the same way, Pāṭikaputta, you live off the achievements of the Well-Farer and feed on the Well-Farer's leavings, imagining you can set yourself up beside the Tathāgatas, Arahants and fully-enlightened Buddhas.

But what have wretched Pāṭikaputtas in common with them?"

8. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupati dầu có dùng ví dụ ấy cũng không thể khiến lã thẽ Pāṭikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

Chó rùng nhìn tự thân,
Tự nghĩ là sư tử.
Nó sủa tiếng chó rùng,
Loại chó rùng đê tiện.
Chó rùng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?

"Cũng vậy, này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác.

Bọn Pāṭikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

10. Này Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupatti, dầu có

2.8. 'Then, being unable even with the aid of this parable to get Pāṭikaputta, to rise from his seat, Jāliya uttered this verse: [25]

"Thinking himself a lion, the jackal says:
'I'm the king of beasts', and tries to roar
A lion's roar, but only howls instead.
Lion is lion and jackal's jackal still.

In just the same way, Pāṭikaputta, you are living off the achievements of the Well-Farer..."

2.9. 'And, being unable even with the aid of this parable to get Pāṭikaputta to rise from his seat, Jāliya uttered this verse:

"Following another's tracks, and fed
On scraps, his jackal-nature he forgets,
Thinking: 'I'm a tiger', tries to roar
A mighty roar, but only howls instead.
Lion is lion and jackal's jackal still.

In just the same way, Pāṭikaputta, you are living off the achievements of the Well-Farer..."

2.10. 'And, being unable even with this [26] parable to get

dùng ví dụ ấy cũng không có thể khiến lã thê Pāṭikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền nói với ông ấy:

Ăn cóc, chuột kho thóc,
Ăn xác quăng nghĩa địa,
Sống Đại lâm, Không lâm,
Tự nghĩ là vua thú.

Nó sủa tiếng chó rừng,
Loại chó rừng đê tiện.
Chó rừng sủa là ai?
Ai rống tiếng sư tử?

"Cũng vậy này Hiền giả Pāṭikaputta, Hiền giả sống dựa trên uy tín của bậc Thiện Thệ, ăn uống đồ tàn thực của bậc Thiện Thệ, thế mà tự nghĩ có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác.

Bạn Pāṭikaputta đê tiện là ai, lại có thể trịch thượng với các bậc Như Lai, A la hán, Chánh Đẳng Giác?"

11. Nay Bhaggava, Jāliya, đệ tử của Dārupatti, dầu có dùng ví dụ ấy, cũng không thể khiến lã thê Pāṭikaputta rời khỏi chỗ ngồi, liền về Hội chúng ấy và báo tin:

"- Lã thê Pāṭikaputta đã thảm bại, tuy nói: "Này Bạn, tôi sẽ đến; này Bạn, tôi sẽ đến", nhưng ông ấy trườn bò qua lại tại chỗ, không có thể từ chỗ ngồi đứng dậy."

12. Nay Bhaggava, khi nghe nói vậy, Ta nói với hội chúng ấy:

"- Nay các Hiền giả, lã thê Pāṭikaputta, nếu ông ấy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà

Pāṭikaputta, to rise from his seat, Jāliya uttered this verse:

"Gorged on frogs and mice from threshing-floors,
And corpses cast aside in charnel-grounds,
In lonely forests wild the jackal thinks:
'I'm the king of beasts', and tries to roar

A lion's roar, but only howls instead.
Lion is lion and jackal's jackal still.

In just the same way, Pāṭikaputta, you are living off the achievements of the Well-Farer, feeding on the Well-Farer's leavings, imagine you can set yourself up beside the Tathāgatas, Arahants and full-enlightened Buddhas.

But what have wretched Pāṭikaputtas in common with them?"

2.11. 'Then, being unable even with this parable to get Pāṭikaputta to rise from his seat, Jāliya returned to the assembly and reported on the situation.

2.12. 'Then I said:

"Pāṭikaputtas is not capable of meeting me face to face unless he takes back his words, abandons that thought and

kiến ấy, thì không có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta tuy không từ bỏ lời nói ấy, không từ bỏ tâm ấy, không từ bỏ tà kiến ấy, có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan.

Nếu quý vị Licchavi nghĩ rằng: "Chúng ta hãy cột lỏa thể Pāṭikaputta với dây thừng và dùng bò kéo ông ấy lại đây". Pāṭikaputta sẽ bứt đứt dây thừng ấy.

Lỏa thể Pāṭikaputta không có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Ta được. Nếu ông ấy nghĩ rằng: "Ta có thể không từ bỏ lời nói ấy... có thể đến gặp mặt Sa môn Gotama được", thì đầu của ông ấy sẽ bị bể tan."

13. Nay Bhaggava, rồi Ta giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp.

Sau khi giảng dạy cho hội chúng ấy, khuyến khích, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ với bài thuyết pháp, Ta khiến cho họ giải thoát đại kiết sử, cứu vớt tám vạn bốn ngàn chúng sanh thoát khỏi đại đọa xứ,

Ta nhập thiền quang giới tam muội, bay lên hư không cao đến bảy cây sa-la, phóng hào quang cao đến hơn bảy cây sa-la, khiến cho chói sáng, rực sáng và Ta hiện ra tại Trùng Các giảng đường ở Đại Lâm.

Nay Bhaggava, rồi Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đến Ta, đảnh lễ Ta và ngồi xuống một bên. Sau khi ngồi xuống một bên, nay Bhaggava, Ta nói với Sunakkhatta, thuộc bộ lạc Licchavi đang ngồi một bên:

"- Nay Sunakkhatta, Ngươi nghĩ thế nào? Có phải điều Ta nói cho Ngươi về lỏa thể Pāṭikaputta, đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác?

gives up that view...

Even if the good Licchavis were to think: 'Let us bind him with thongs and try to drag him here with yoked oxen', [27] he would burst the thongs.

He is not capable of meeting me face to face ... If he thinks otherwise, his head will split in pieces."

2.13. 'Then, Bhaggava, I instructed, inspired, fired and delighted that assembly with a talk on Dhamma.

And having thereby delivered that company from the great bondage,⁷⁴⁸ thus rescuing eighty-four thousand beings from the great path of peril,

I entered into the fire-element⁷⁴⁹ and rose into the air to the height of seven palm-trees, and projecting a beam for the height of another seven so that it blazed and shed fragrance, I then reappeared in the Gabled Hall in the Great Forest.⁷⁵⁰

'And there Sunakkhatta came to me, saluted me and sat down to one side. I said:

"What do you think, Sunakkhatta? Has what I told you about Pāṭikaputta come about, or not?"

"- Bạch Thế Tôn, điều Thế Tôn nói cho con về lửa thể Pāṭikaputta đã được thực hiện đúng như vậy, không có gì khác.

"- Này Sunakkhatta, Người nghĩ thế nào? Sự kiện là như vậy, thì có phải pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện hay không được thực hiện?

"- Bạch Thế Tôn, sự kiện là như vậy, thì pháp thượng nhân thần thông đã được thực hiện, không phải không thực hiện.

- "Này kẻ ngu kia, như vậy là pháp thượng nhân thần thông đã được Ta thực hiện, thế mà Người lại nói: "Bạch Thế Tôn, Thế Tôn không thực hiện pháp thượng nhân thần thông." Này kẻ ngu kia, hãy thấy sự lỗi lầm của Người như vậy là như thế nào!"

Này Bhaggava, như vậy Sunakkhatta thuộc bộ lạc Licchavi dầu được Ta nói vậy, từ bỏ Pháp và Luật này, như người phải rơi vào đọa xứ, địa ngục.

14. Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa.

Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không có chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy; chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi.

Này Bhaggava, có những vị Sa môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên (Issara) tạo ra, do Phạm thiên (Brahma) tạo ra. Ta đến những vị ấy và nói:

"It has, Lord."

"And has a miracle been performed, or not?"

"It has, Lord."

"Well then, you foolish man, do you still say to me after I have performed such a [28] miracle: 'Well, Lord, you have not performed any miracles'? Consider, you foolish man, how far the fault is yours."

And, Bhaggava, at my words Sunakkhatta left this Dhamma and discipline like one condemned to hell.

2.14. 'Bhaggava, I know the first beginning of things,⁷⁵¹ and I know not only that, but what surpasses it in value.⁷⁵²

And I am not under the sway of what I know, and not being under its sway I have come to know for myself that quenching,⁷⁵³ by the realisation of which the Tathāgata cannot fall into perilous paths.⁷⁵⁴

There are, Bhaggava, some ascetics and Brahmins who declare as their doctrine that all things began with the creation by a god,⁷⁵⁵ or Brahma. I have gone to them and said:

"- Có phải chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:
"- Vâng!"

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, do Phạm thiên tạo ra?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

15. "- Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển hoại.

Trong khi thế giới chuyển hoại, phần lớn các loài hữu tình chuyển sanh qua Ābhassara (Quang Âm thiên) ở tại đây, những loài hữu tình nào do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Chư Hiền giả, có một thời, đến một giai đoạn nào đó, sau một thời gian rất lâu, thế giới này chuyển thành, Phạm cung được hiện ra nhưng trống không.

Lúc bấy giờ, một loài hữu tình, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, mạng chung từ Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không ấy.

Vị ấy ở tại đấy, do ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu

"Reverend sirs, is it true that you declare that all things began with the creation by a god, or Brahma?"

"Yes", they replied.

Then I asked:

"In that case, how do the reverend teachers declare that this came about?"

But they could not give an answer, and so they asked me in return. And I replied:

2.15.-17. "There comes a time, friends, sooner or later after a long period, when this world contracts...

Beings are born in the Abhassara Brahma world and stay there a long time.

When this world expands, one being falls from there and arises in an empty Brahma palace.

hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh, và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

Vị này, tại chỗ ấy, sau khi sống lâu một mình như vậy, khởi ý chán nản, không hoan hỷ và có kỳ vọng: "Mong sao có các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này!"

Lúc bấy giờ, các loài hữu tình khác, hoặc thọ mạng đã tận, hay phước báo đã tận, bị mệnh chung và từ thân Quang Âm thiên sanh qua Phạm cung trống không để làm bạn với vị hữu tình kia.

Các loại hữu tình này ở đây cũng có ý sanh, nuôi sống bằng hỷ, tự chiếu hào quang, phi hành trên hư không, sống trong sự quang vinh và sống như vậy trong một thời gian khá dài.

16. "Lúc bấy giờ, này các Hiền giả, vị hữu tình sanh qua đầu tiên nghĩ rằng: "Ta là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh.

Những loài hữu tình ấy do chính ta hóa sanh. Tại sao vậy? Vì chính do ta khởi niệm: Mong sao các loài hữu tình khác cũng đến tại chỗ này! Chính do sở nguyện của ta mà những loài hữu tình ấy đến tại chỗ này".

Các loài hữu tình đến sau cùng nghĩ như thế này: "Vị ấy là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh.

Chúng ta do vị Phạm thiên này hóa sanh. Vì chúng ta thấy vị này sanh trước ở đây rồi, còn chúng ta thì sanh

He longs for company, other beings appear,

and he and they believe he created them (Sutta 1, verses 2.2-6). [29-30]

sau".

17. "Này các Hiền giả, vị hữu tình sanh ra đầu tiên ấy, sống được lâu hơn, sắc tướng tốt đẹp hơn, và được nhiều uy quyền hơn.

Còn các loài hữu tình sanh sau thì sống ngắn hơn, sắc tướng ít tốt đẹp hơn, và được ít uy quyền hơn. Này các Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra.

Một trong các loài hữu tình ấy, sau khi từ bỏ thân kia lại thác sanh đến cõi này. Khi đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ tới đời sống ấy.

Vị ấy nói rằng: "Vị kia là Phạm thiên, Đại Phạm thiên, đáng Toàn năng, Tối thắng, Biến nhãn, Thượng Tôn, Thượng đế, Sáng tạo chủ, Hóa sanh chủ, Đại tôn, Chúa tể mọi định mạng, đáng Tự tại, Tổ phụ các chúng sanh đã và sẽ sanh.

Chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh. Vị ấy là thường hằng, kiên cố, thường trú, không biến chuyển, thường trú như vậy mãi mãi. Còn chúng ta do vị Phạm thiên ấy hóa sanh đến tại chỗ này. Chúng ta là vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này!"

Này các Hiền giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do Tự Tại thiên tạo ra, là do Phạm thiên tạo ra...?"

That, Reverend Sirs, is how it comes about that you teach that all things began with the creation by a god, or Brahma."

Các vị ấy nói như sau:

"- Nay Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama nói: "Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

18. Nay Bhaggava, một số Sa môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi dục lạc. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:
"- Vâng."

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Hiền giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới truyền thống, là do nhiễm hoặc bởi dục lạc?"

Được Ta hỏi như vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Nay các Hiền giả, có những hạng chư Thiên gọi là *Khiddāpadosikā* (bị nhiễm hoặc bởi dục lạc). Những vị này sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày, mê say trong hý tiểu dục lạc, nên bị thất niệm.

Do thất niệm, chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân thể của họ. Sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến chỗ này. Khi đến

And they said: "We have heard this, Reverend Gotama, as you have explained." But I know the first beginning of things... and not being under the sway of what I know I have come to know that quenching by the realisation of which the Tathāgata cannot fall into perilous ways.

2.18. 'There are some ascetics and Brahmins who declare that the beginning of things was due to corruption by pleasure. I went to them and asked them if this was their view.

"Yes", they replied. [31]

I asked them how this came about,

and when they could not explain,

I said: "There are, friends, certain devas called Corrupted by Pleasure. They spend an excessive amount of time addicted to merriment... *their mindfulness lapses, and they fall away (Sutta 1, verses 2.7 — 9).*

tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhất tâm, nhờ tinh tấn, nhờ cần mẫn, nhờ không phóng dật, nhờ chánh ức niệm, nên tâm nhập định. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống quá khứ ấy chớ không nhớ xa hơn đời sống ấy.

Vị ấy nói: "Những vị Thiên không bị nhiễm hoặc vì dục lạc, họ sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì sống lâu ngày không mê say trong hý tiểu dục lạc, nên không bị thất niệm.

Nhờ không thất niệm, nên Chư thiên ấy không thác sanh, không từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi.

Còn chúng ta đã bị nhiễm hoặc bởi dục lạc, sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc. Vì chúng ta sống lâu ngày mê say trong hý tiểu dục lạc nên bị thất niệm. Do thất niệm, chúng ta từ bỏ thân thể này, sống vô thường, không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến chỗ này".

Này các Tôn giả, như vậy quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc vì dục lạc có phải không?"

Các vị ấy nói như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới,... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi".

That, [32] Reverend Sirs, is how it comes about that you teach that the beginning of things was due to corruption by pleasure."

And they said: "We have heard this, Reverend Gotama, as you have explained."

19. Nay Bhaggava, một số Sa môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

- "Vâng".

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do nhiễm hoặc bởi tâm trí?"
Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những hạng chư Thiên gọi là Manopadosikā (nhiễm hoặc bởi tâm trí.) Họ sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau. Vì sống lâu ngày, nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí oán ghét lẫn nhau, nên thân họ mệt mỏi, tâm họ mệt mỏi.

Các hạng chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân này của họ. Các Hiền giả, sự tình này xảy ra. Một trong các loài hữu tình kia, khi thác sanh, từ bỏ thân thể ấy, lại sanh đến cõi này. Khi sanh đến cõi này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Sau khi xuất gia từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Khi tâm nhập định, vị ấy nhớ đến đời sống ấy. Vị ấy nói rằng:

2.19. 'There are some ascetics and Brahmins who declare that the beginning of things was due to corruption of mind. I went to them and asked them if this was their view.

"Yes", they replied.

I asked them how this came about, and when they could not explain, I said:

"There are, friends, certain devas called Corrupted in Mind. They spend an excessive amount of time regarding each other with envy... *their minds become corrupted, and they fall away* (Sutta 1, verses 2.10 — 13). [33]

"Chư Thiên không bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, họ sống lâu ngày không bị nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, tâm trí của họ không oán ghét nhau. Vì tâm trí họ không oán ghét nhau, nên thân họ không mệt mỏi, tâm họ không mệt mỏi.

Hạng chư Thiên ấy không thác sanh từ bỏ thân thể của họ, sống thường hằng, kiên cố, thường trú, không bị chuyển biến, thường trú như vậy mãi mãi.

Còn chúng ta bị nhiễm hoặc bởi tâm trí, sống lâu ngày nung nấu bởi sự đố kỵ lẫn nhau, nên tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau. Vì tâm trí chúng ta oán ghét lẫn nhau, nên thân mệt mỏi và tâm mệt mỏi.

Chúng thác sanh, từ bỏ thân này, sống vô thường không kiên cố, yếu thọ, chịu sự biến dịch và thác sanh đến tại chỗ này".

Như vậy, này các Hiền giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên của thế giới theo truyền thống là do bị nhiễm hoặc bởi tâm trí."

Họ trả lời như sau:

"- Này Tôn giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên của thế giới... mà Như Lai không rơi vào lầm lỗi."

20. Này Bhaggava, một số Sa môn, Bà-la-môn tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh. Ta đến những vị ấy và nói:

"- Có phải chư Tôn giả tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy trả lời:

That, Reverend Sirs, is how it comes about that you teach that the beginning of things was due to corruption of mind."

And they said: "We have heard this, Reverend Gotama, as you have explained."

2.20. 'There are, Bhaggava, some ascetics and Brahmins who declare that the beginning of things was due to chance. I went to them and asked them if this was their view.

"Yes", they replied.

"- Vông".

Ta nói với quý vị ấy:

"- Sao chư Tôn giả lại tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh?"

Được Ta hỏi vậy, quý vị ấy không thể trả lời được. Không thể trả lời được, quý vị ấy hỏi lại Ta, và được hỏi vậy, Ta trả lời như sau:

"- Chư Hiền giả, có những chư Thiên gọi là Vô tướng hữu tình. Khi một tướng niệm khởi lên, thời chư Thiên ấy thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên của mình.

Chư Hiền giả, sự tình này có thể xảy ra. Một trong loài hữu tình ấy, khi thác sanh, từ bỏ thân chư Thiên ấy của mình, lại sanh đến cõi này. Khi đến tại chỗ này, vị ấy xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình.

Sau khi xuất gia, từ bỏ gia đình, sống không gia đình, vị ấy nhờ nhiệt tâm... nên tâm nhập định. Vị ấy nhớ đến khi tướng niệm phát sanh, chớ không nhớ xa hơn nữa. Vị ấy nói: "Bản ngã về thế giới do vô nhân sanh. Tại sao vậy? Vì rằng: Tôi trước kia không có, nay có. Từ nơi trạng thái không có, tôi trở thành loại hữu tình".

Như vậy, này các Tôn giả, quý vị tuyên bố về khởi nguyên thế giới theo truyền thống là do vô nhân sanh có phải như vậy không?"

Họ trả lời:

"- Này Hiền giả Gotama, chúng tôi có nghe đúng như Tôn giả Gotama đã nói: "Này Bhaggava, Ta biết về khởi nguyên thế giới, Ta còn biết hơn thế nữa.

Và khi Ta biết như vậy, Ta không có chấp trước. Vì không chấp trước, Ta tự thân thấu hiểu được sự an tịnh ấy.

I asked them how this came about, and when they could not explain, I said:

"There are, friends, certain devas called Unconscious. As soon as a perception arises in them, those devas fall from that realm ...

remembering nothing (Sutta, 1, verse 2.31) they think: 'Now from non-being I have been brought to being.' [34]

That, Reverend Sirs, is how it comes about that you teach that the beginning of things was due to chance."

And they said: "We have heard this, Reverend Gotama, as you have explained." But I know the first beginning of things, and I know not only that, but what surpasses it in value.

And I am not under the sway of what I know, and not being under its sway I have come to know for myself that

Chính nhờ chứng ngộ sự an tịnh này mà Như Lai không rơi vào làm lỗi".

21. Nay Bhaggava, Ta tuyên bố như vậy, Ta quan niệm như vậy. Nhưng một số Sa môn, Bà-la-môn lại bài xích Ta một cách không thật, trống không, hư ngụy, giả dối: "Sa môn Gotama và các vị Tỷ kheo là điên đảo.

Sa môn Gotama đã tuyên bố: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh".

Nhưng nay Bhaggava, Ta không có nói như vậy: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là bất tịnh." Nay Bhaggava, Ta nói như sau: "Khi một ai đạt đến thanh tịnh, giải thoát, khi ấy vị ấy biết mọi vật là thanh tịnh"

- Bạch Thế Tôn, chính họ là điên đảo khi họ chỉ trích Thế Tôn và các Tỷ kheo là điên đảo.

Con tin tưởng hoan hỷ đối với Thế Tôn khiến con tin rằng Thế Tôn có thể dạy cho con đến thanh tịnh giải thoát.

- Nay Bhaggava, thật khó cho Người khi Người theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác để có thể đạt được thanh tịnh, giải thoát.

Nay Bhaggava, hãy đặt nặng lòng tin ở nơi Ta, hãy khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.

- Bạch Thế Tôn, nếu thật khó cho con, khi con theo các kiến giải sai khác, kham nhẫn các sự việc sai khác, theo dõi những mục tiêu sai khác, đeo đuổi những mục đích sai khác, được huấn luyện theo các phương pháp sai khác, để

quenching, by the realisation of which the Tathāgata cannot fall into perilous paths.

2.21. 'And I, Bhaggava, who teach this and declare this am wrongly, vainly, lyingly and falsely accused by some ascetics and Brahmins who say: "The ascetic Gotama is on the wrong track,⁷⁵⁶ and so are his monks.

He has declared that whoever has attained to the stage of deliverance called 'the Beautiful'⁷⁵⁷ finds everything repulsive."

But I do not say this. What I say is that whenever anyone has attained to the stage of deliverance called "the Beautiful", he knows that it is beautiful.'

'Indeed, Lord, they are on the wrong track themselves who accuse the Lord and his monks of error.

I am so delighted with the Lord [35] that I think the Lord is able to teach me to attain and remain in the deliverance called "the Beautiful".'

'It is hard for you, Bhaggava, holding different views, being of different inclinations and subject to different influences, following a different discipline and having had a different teacher, to attain and remain in the deliverance called "the Beautiful".

You must strive hard, putting your trust in me, Bhaggava.'

'Lord, even if it is hard for me to attain and remain in the deliverance called "the Beautiful", still I will place my trust in the Lord.'⁷⁵⁸

có thể đạt được thanh tịnh giải thoát,
thời Bạch Thế Tôn, ít nhất con cũng đặt nặng lòng tin vào
Thế Tôn, và con sẽ khéo gìn giữ lòng tin tưởng ấy.

Thế Tôn thuyết giảng như vậy, du sĩ Bhaggava hoan hỷ
tín thọ lời dạy Thế Tôn.

Thus the Lord spoke, and Bhaggava the wanderer was
delighted and rejoiced at the Lord's words.

Notes

The numbers in square brackets [] in the actual text refer
to the page number of the *Dīgha Nikāya* of the Pali Text
Society's edition in Pali.

732. With this Sutta, the third and final division of the
Nikaya starts. It is curious that this division is named after
one of the poorest texts in the whole Nikaya, but this
probably has little significance other than mnemonic. But the
Sutta itself is misnamed, since its 'anti-hero' (if that dubious
distinction does not rather belong to the wretched
Sunakkhatta!) is actually referred to as Patikaputta or
'Patika's son', and his own name is unrecorded. Perhaps
Pāṭikasutta stands, by a kind of haplology, for
**Pāṭikaputtasutta*.

733. *Ārāma*: lit. 'pleasure', hence a pleasure-park. It came
to be used for such parks as were presented to the Buddha,
or to other 'ascetics and Brahmins'. Hence its modern sense
of 'temple-complex, monastery-complex'.

734. First mentioned at DN 6.5. His name, most
inappropriately, means 'born under a lucky star'.

735. His personal name was Channa, but the Buddha

addresses him by his 'surname' (cf. n.179). His clan seem to have been potters.

736. Cf. DN 11.5, where the performance of 'miracles' is condemned by the Buddha (as it is here too, though he text goes on to contradict the Master's words). On the significance of this for dating the Sutta, RD's wise words should be noted (p. 3): 'We are not entitled on these facts to suppose that the Patika Suttanta was either later or earlier than the Kevaddha ... The editors may have been tolerant of whichever of the opposing views they did not share.' Those who seek to establish chronological criteria should bear such considerations in mind.

737. *Takkara*: 'the so-doer'.

738. *Hīnāy' āvatto*.

739. The name is doubtful. RD has 'Bumus'. I follow DA.

740. A dog-ascetic like Seniya in MN 57, who was told by the Buddha that if he persisted in this practice he would be reborn either in hell or 'in the company of dogs'.

741. *Alasakena*. RD has 'of epilepsy', for which there seems to be no evidence. The sub-commentary and Buddhadatta's dictionary suggest 'indigestion', which seems not unreasonable.

742. See n.512. The Kalakañjas, described as 'terrible to see', are mentioned in DN 20.12.

743. The form of this name is doubtful. RD has

Kandaramasuka. Again, I follow DA.

744. For these, see DN 16.3.2 and notes there.

745. See DN 3.1.20 and n.150 there.

746. A home for wanderers which had been charitably donated near some Tinduka trees.

747. Cf. DN 6.15 and DN 7, which is named after him.

748. DA seems to imply that he brought them all to Arahantship: more modestly, one might settle for the 'opening of the Dhamma-eye' (see n.140).

749. *Tejo-dhāturñ samāpajjitvā*: RD translates 'entered on jhāna by the method of flame' with no comment, and DA, more remarkably, is silent. Could this peculiarly unnecessary miracle have been inserted later?

750. All this despite the Buddha's expressed dislike of miracles. But see n.736.

751. *Aggañña*. See DN 27 for a full development of the theme of 'beginnings' — not, of course, in the sense of an absolute first cause, for which Buddhism has no use.

752. Or 'goes beyond it' — even to omniscience, says DA, not quite correctly.

753. *Nibbuti*: a term associated with Nibbāna, though actually from a different root.

754. *Anaya*: 'wrong leading', i.e. into suffering or trouble.

755. *Issara* (Skt. *Īśvara*): 'God as creator and ruler', now often the Christian God.

756. *Viparīto*: 'reversed, changed'.

757. Cf. DN 15.35.

758. RD says: 'Buddhaghosa judges that this was merely affected appreciation. But we are not told anything of the later history of this man.' DA does, however, add that the Buddha's words 'made an impression on him in the future'. Could it be that Bhaggava's allegedly dubious reaction is DA's coded way of expressing doubts about this Sutta? Not only is the main part inferior and contradictory, if humorous, but it concludes, first with an appendix (2.14ff.) on the beginning of things which is clumsily tacked on, doubtless in response to Sunakkhatta's remarks at 1.5 (which were adequately answered *there*), and then (2.21) with an even more irrelevant appendix to that appendix. Another curious feature is that it is probably the only Sutta in the Canon which consists almost entirely of a narrative (as opposed to a discourse) related by the Buddha to a third party (and, at that, an obscure character not owing him any allegiance).